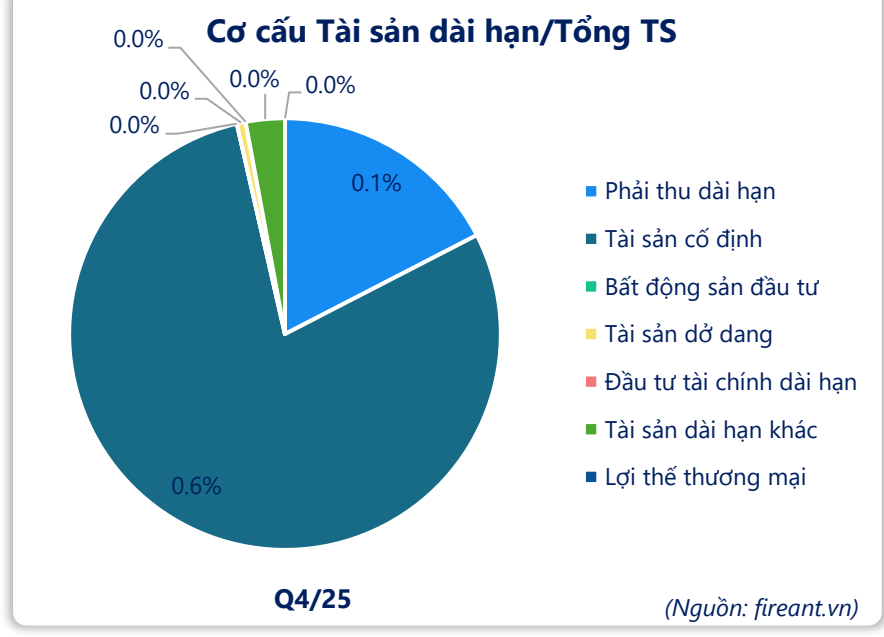
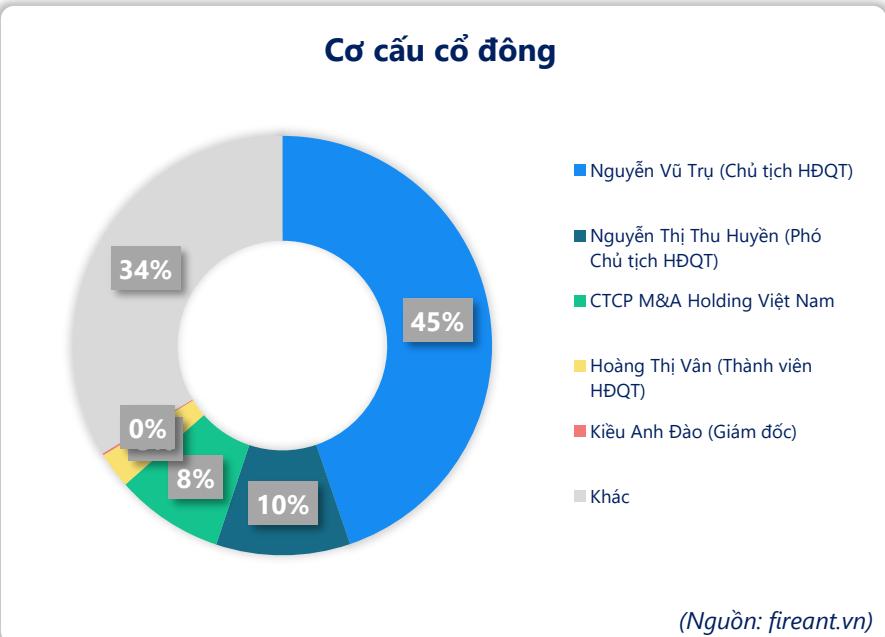
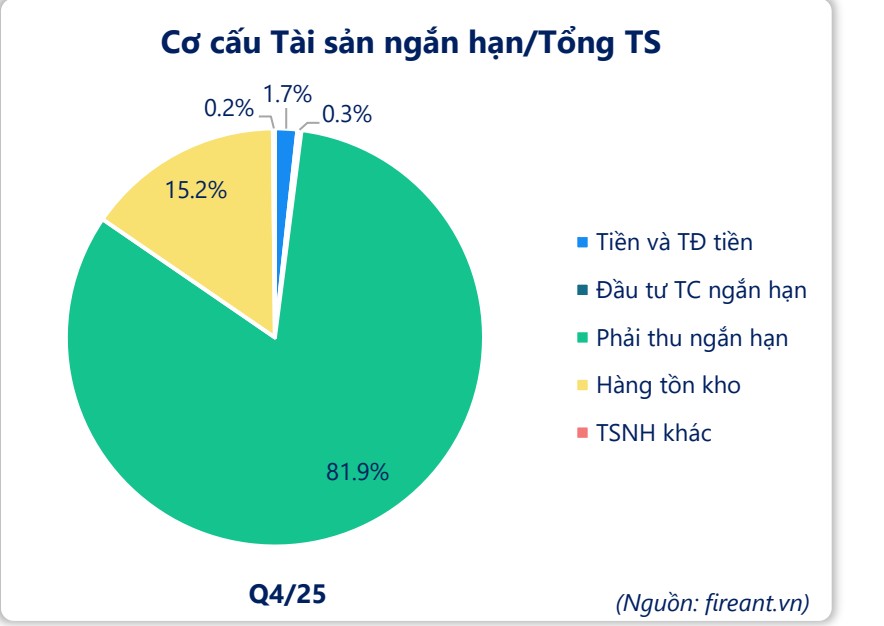
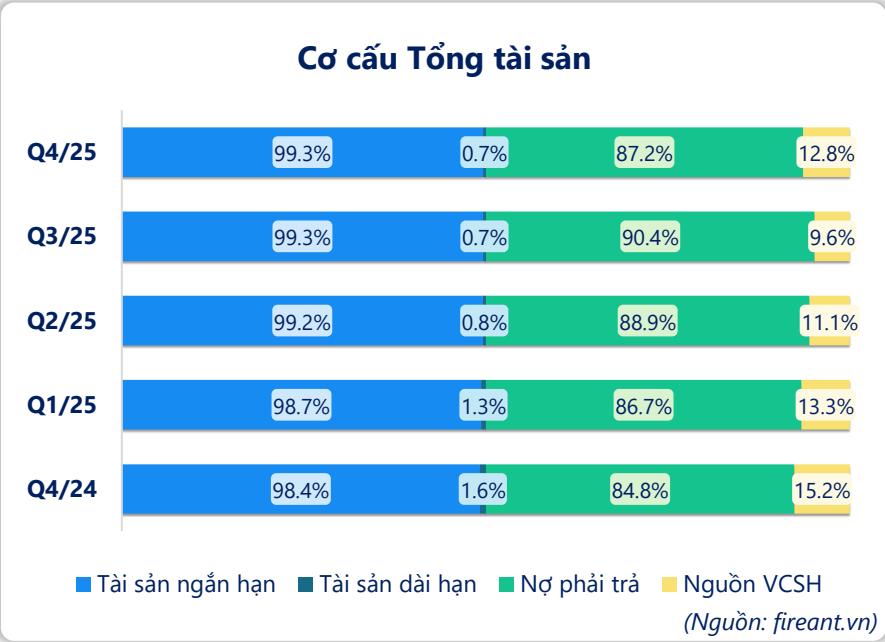
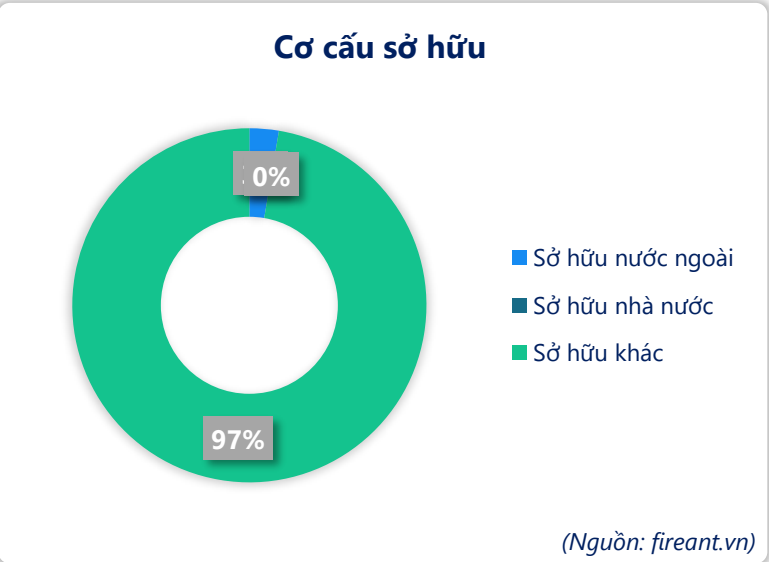
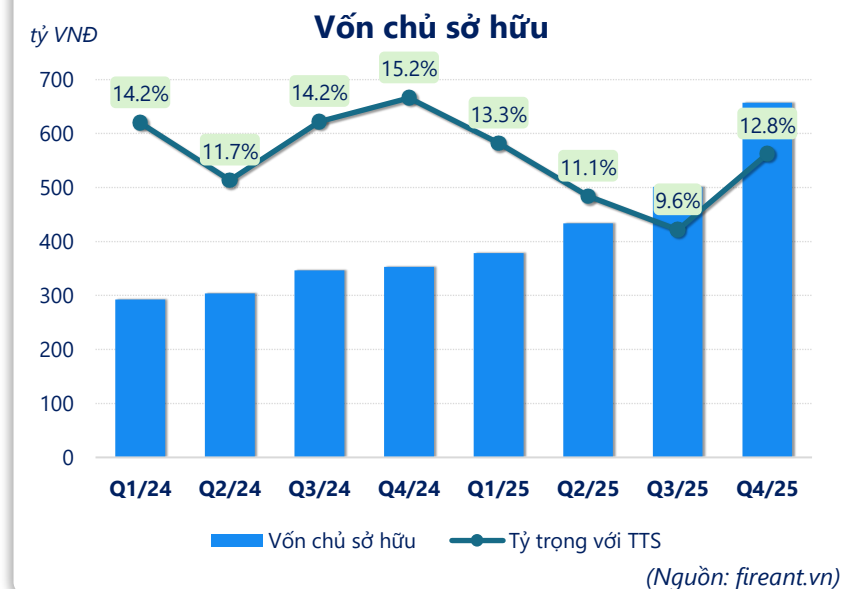
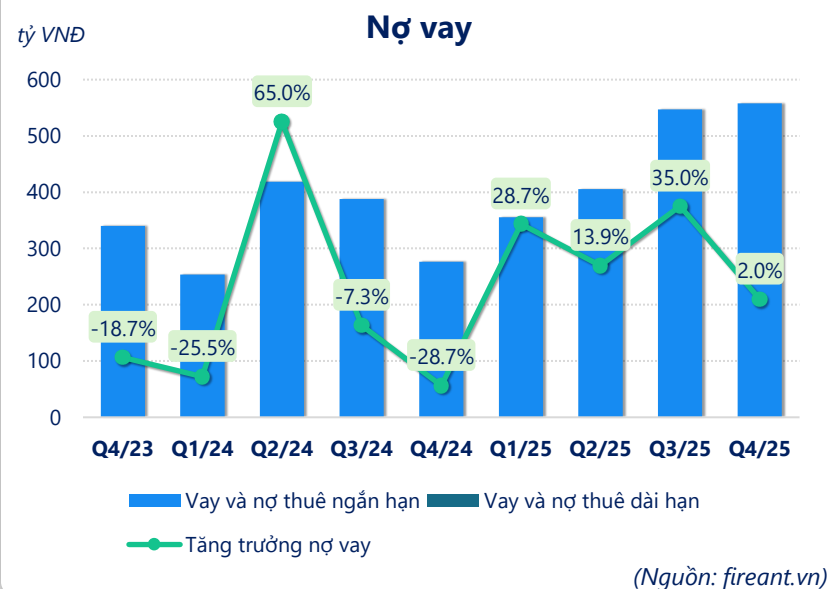
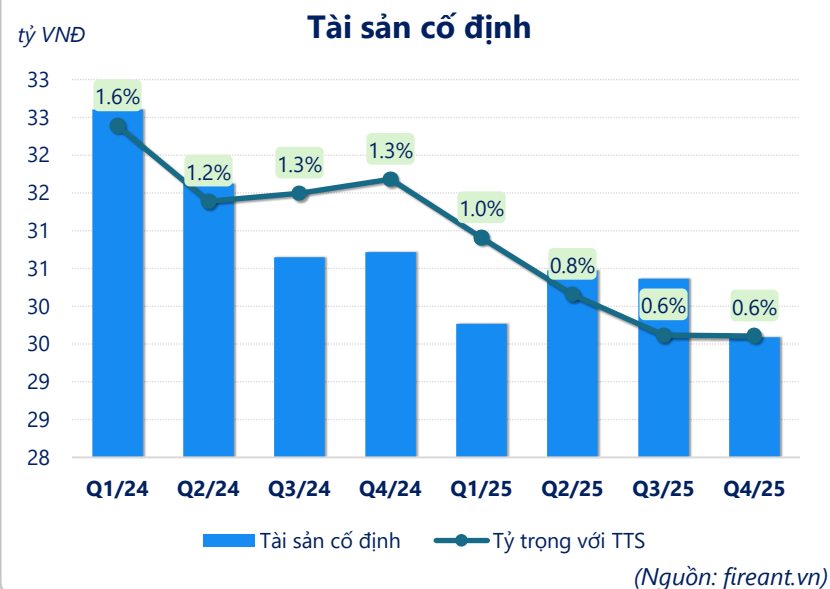
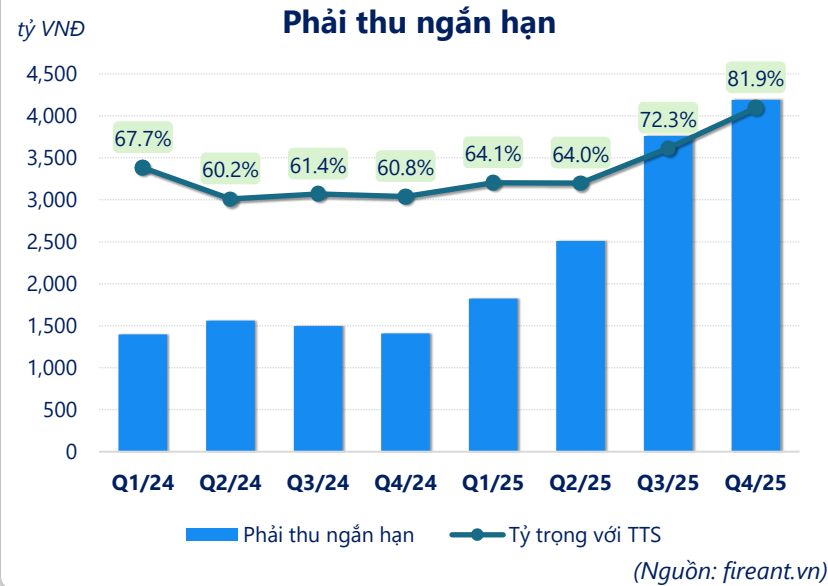
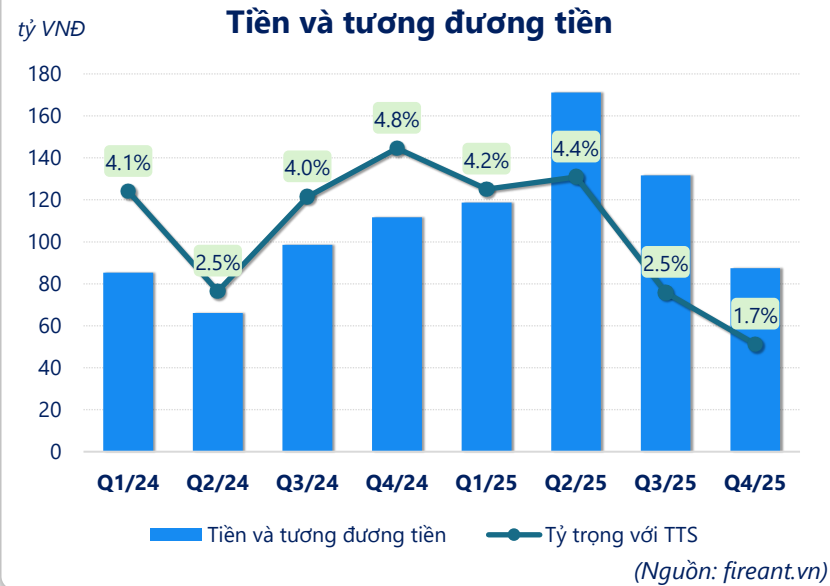
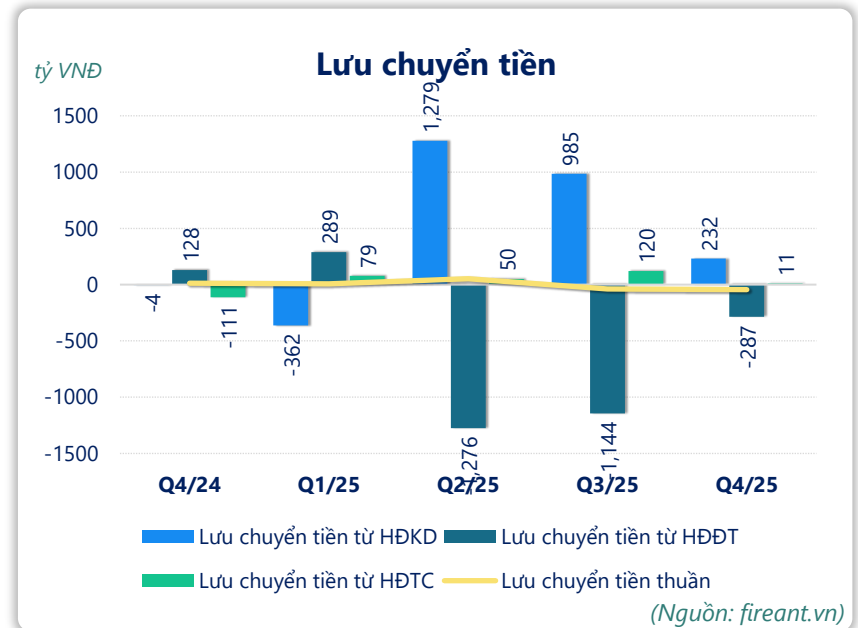
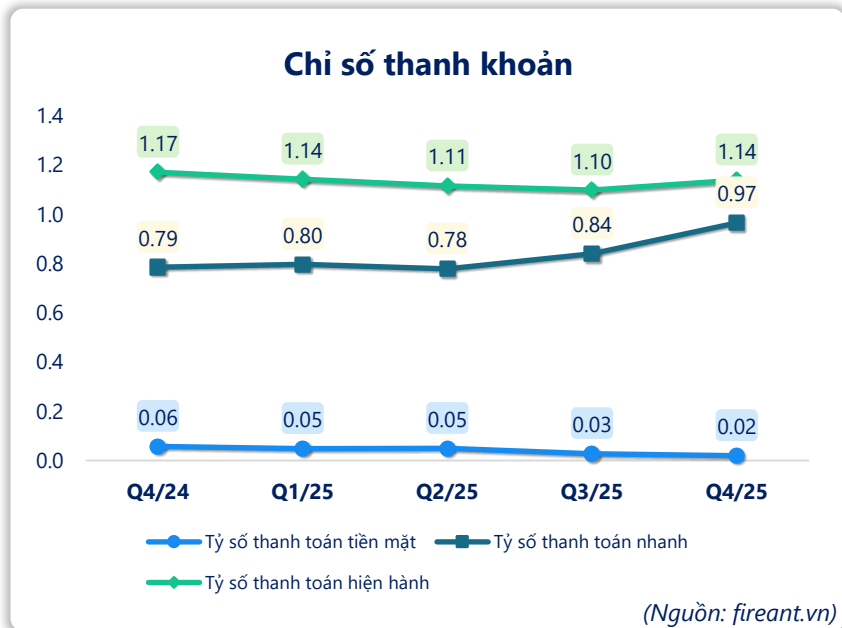
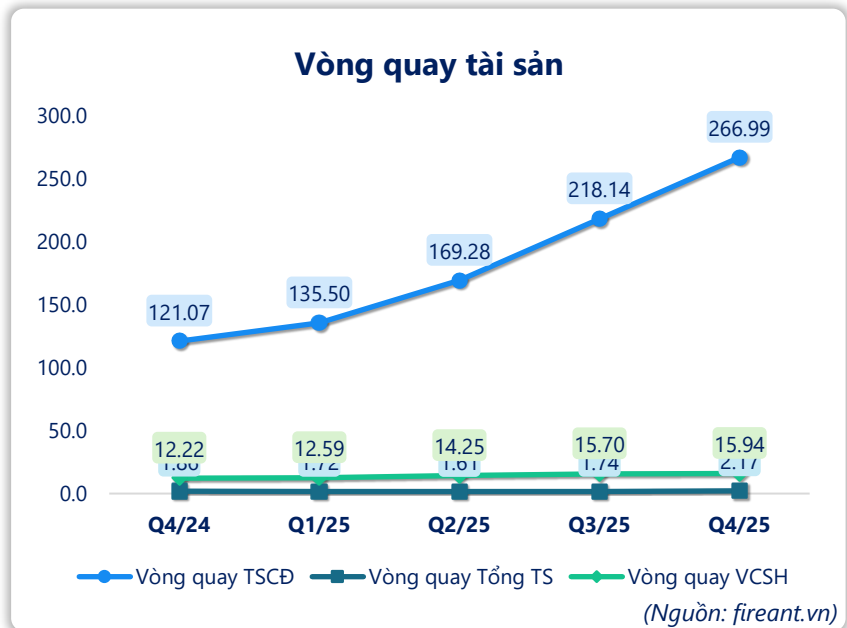
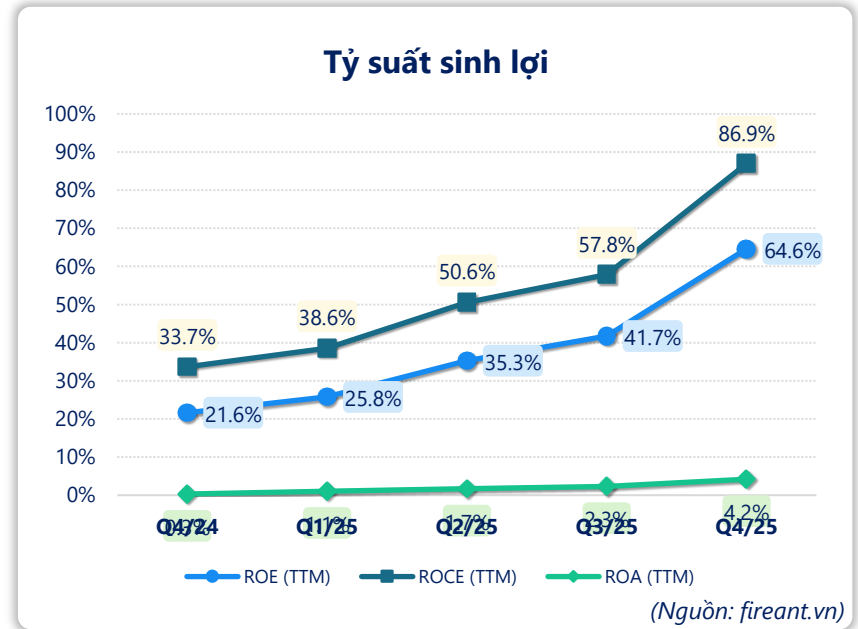
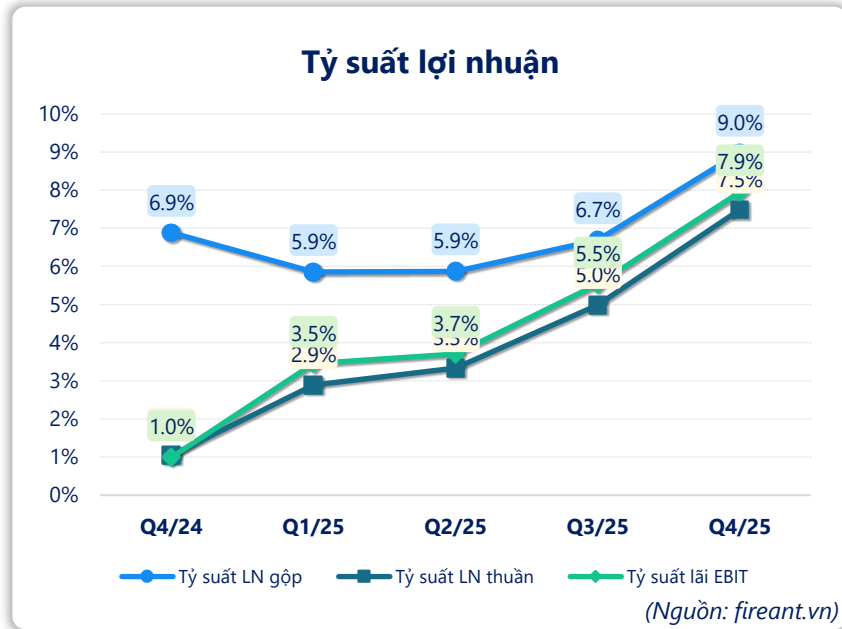
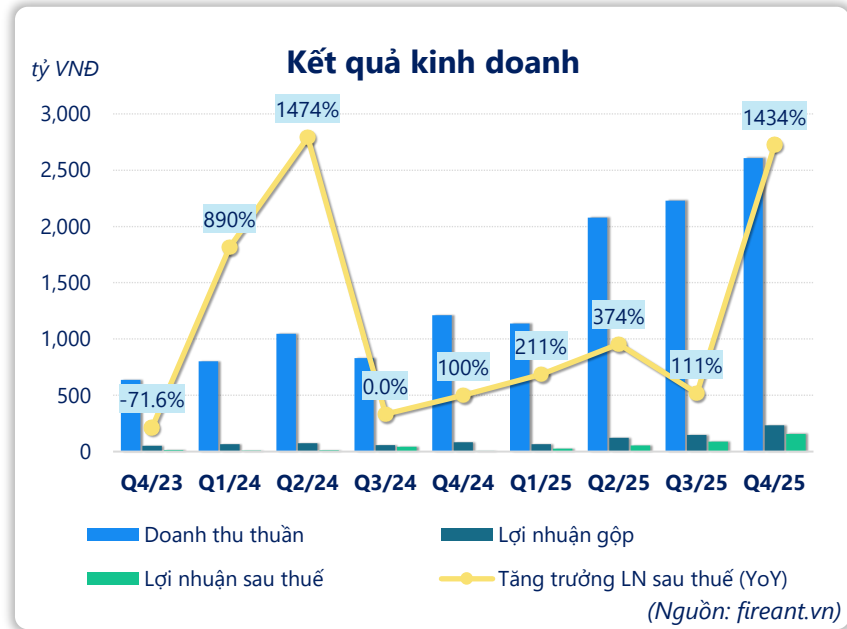


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		65,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		21,525,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		109,265
% sở hữu nước ngoài		2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,410
P/E		4.3
EPS		15,160

	YTD	1T	3T	6T
VVS	302.1%		45.2%	267.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,116	2,316	121%
Tài sản ngắn hạn	5,079	2,278	123%
Tiền và tương đương tiền	87.4	112	-21.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.0	0	
Phải thu ngắn hạn	4,192	1,406	198%
Hàng tồn kho	776	751	3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	7.98	9.03	-11.6%
Tài sản dài hạn	37.5	37.6	-0.3%
Phải thu dài hạn	6.53	1.01	546%
Tài sản cố định	29.6	30.7	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.25	0.50	-50.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	3.60	-100%
Tài sản dài hạn khác	1.09	1.72	-36.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,459	1,963	127%
Nợ ngắn hạn	4,459	1,946	129%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	558	276	102%
Phải trả người bán ngắn hạn	3,269	1,354	141%
Nợ dài hạn	0	17.3	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	657	353	86.5%
Vốn chủ sở hữu	657	353	86.5%
Vốn điều lệ	215	215	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,210	1,136	2,078	2,230	2,606
Giá vốn hàng bán	1,127	1,070	1,956	2,081	2,372
Lợi nhuận gộp	83.3	66.5	122	149	234
Doanh thu HĐTC	15.7	32.2	34.5	46.9	66.2
Chi phí TC	33.0	29.7	36.8	27.4	22.7
Chi phí lãi vay	2.84	6.62	7.91	12.1	12.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	28.9	17.5	27.1	29.6	45.2
Chi phí QLDN	24.5	18.7	23.5	27.9	37.3
LN thuần từ HĐKD	12.7	32.8	69.3	111	195
Lợi nhuận khác	-3.51	-0.24	-0.17	-0.07	-0.15
LN trước thuế	9.17	32.6	69.1	111	195
Lợi nhuận sau thuế	6.63	26.1	55.3	88.9	156
LNST của CĐ cty mẹ	6.63	26.1	55.3	88.9	156

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.61	-362	1,279	985	232
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	128	289	-1,276	-1,144	-287
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-111	79.3	49.6	120	10.7
Tiền đầu kỳ	98.5	112	119	171	132
Lưu chuyển tiền thuần	13.0	6.81	52.4	-39.5	-44.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.17	0.11	0.05	0.02	0.19
Tiền cuối kỳ	112	119	171	132	87.4

(Nguồn: fireant.vn)